

Số: 09/2023/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 05 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích,
hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 3210/TTr-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về việc quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, doanh nghiệp dẫn đầu trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp cho các đối tượng gồm cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức

có ý tưởng, dự án khởi nghiệp; doanh nghiệp được thành lập từ hộ kinh doanh, ý tưởng, dự án khởi nghiệp; doanh nghiệp thuộc nhóm nguồn dẫn đầu trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu trên địa bàn tỉnh và câu lạc bộ, hội ngành nghề được thành lập mới có sự tham gia của doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu tại tỉnh Bến Tre; doanh nghiệp thành lập gian hàng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh Bến Tre; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức có ý tưởng, dự án khởi nghiệp; doanh nghiệp được thành lập từ hộ kinh doanh, ý tưởng, dự án khởi nghiệp; doanh nghiệp thuộc nhóm nguồn dẫn đầu; doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu và câu lạc bộ, hội ngành nghề được thành lập mới có sự tham gia của doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu tại tỉnh Bến Tre.

2. Doanh nghiệp thành lập gian hàng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh Bến Tre.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Ý tưởng khởi nghiệp: là quá trình tìm kiếm và định hướng giải pháp giải quyết vấn đề nào đó, lên ý tưởng cho một công việc kinh doanh riêng và từng bước thực hiện nó.

2. Dự án khởi nghiệp: là quá trình thực hiện ý tưởng kinh doanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương, ứng dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

3. Doanh nghiệp khởi nghiệp: là đơn vị kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện ý tưởng, dự án khởi nghiệp.

4. Doanh nghiệp thuộc nhóm nguồn dẫn đầu: là doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp thuộc nhóm nguồn dẫn đầu do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định.

5. Doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu: là doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định.

6. Tổ thẩm định dự án: là đơn vị chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đánh giá độc lập dự án theo các tiêu chí cụ thể; Tổ thẩm định dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thành lập, ban hành quy chế và nguyên tắc hoạt động.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ

1. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

2. Lồng ghép các nguồn vốn từ các cơ chế, chính sách có liên quan của Trung ương, của tỉnh để thực hiện các nội dung hỗ trợ.

3. Ngoài chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu theo Nghị quyết này, Doanh nghiệp được hỗ trợ theo quy định hiện hành. Các nội dung chính sách tại Nghị quyết này, nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng áp dụng chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

4. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ trước được hỗ trợ trước.

5. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và trên cơ sở năng lực thực hiện, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có năng lực để cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp đủ điều kiện.

6. Cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức tự kê khai hồ sơ để được hưởng chính sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ và các báo cáo được hưởng chính sách.

Chương II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

Điều 5. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được thành lập từ hộ kinh doanh, ý tưởng, dự án khởi nghiệp tại tỉnh Bến Tre

1. Điều kiện hỗ trợ

Là doanh nghiệp đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp được thành lập từ hộ kinh doanh có thời gian sản xuất, kinh doanh theo hình thức hộ kinh doanh liên tục ít nhất 01 năm tại tỉnh tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận hộ kinh doanh lần đầu.

b) Doanh nghiệp được thành lập từ ý tưởng, dự án khởi nghiệp trong tỉnh được đơn vị tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp xác nhận đã tham gia cuộc thi ý tưởng, dự án khởi nghiệp.

2. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí thuê kế toán 500.000 đồng/tháng, tối đa 12 tháng, giải ngân 06 tháng/lần.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng chữ ký số 01 năm với định mức hỗ trợ tối đa 1.500.000 đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ chi phí kết nối tuyển dụng, đăng thông tin tuyển dụng lao động có trình độ, chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm (lĩnh vực khoa học công nghệ như nghiên cứu, chế tạo, lập trình, công nghệ số...) trong 01 năm đầu. Tối đa 7.000.000 đồng/năm/doanh nghiệp.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ phát triển ý tưởng, dự án khởi nghiệp

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam phát triển gian hàng khởi nghiệp sáng tạo tiêu biểu tỉnh Bến Tre tại các trung tâm thương mại lớn, khu đô thị, siêu thị, cửa hàng trong cả nước (mỗi gian hàng tối thiểu có 10 dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp trong tỉnh) đối với nội dung hỗ trợ tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

b) Cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức có ý tưởng, dự án khởi nghiệp tham gia các cuộc thi khởi nghiệp trong và ngoài tỉnh đối với nội dung hỗ trợ tại điểm b, d, đ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

c) Tổ chức thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đáp ứng các điều kiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2020/TT-BKHCN ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đối với nội dung hỗ trợ tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

2. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển tối đa 10 gian hàng khởi nghiệp sáng tạo tiêu biểu tỉnh Bến Tre tại các trung tâm thương mại lớn, khu đô thị, siêu thị, cửa hàng trong cả nước. Mức hỗ trợ tối đa 100.000.000 đồng/gian hàng/năm; thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm/gian hàng.

- Nội dung hỗ trợ: chi phí thuê mặt bằng, điện, nước, vệ sinh và chi phí quản lý, bán hàng.

- Dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh đăng ký sản phẩm và được sắp xếp bố trí trưng bày sản phẩm miễn phí tại gian hàng khởi nghiệp sáng tạo tiêu biểu tỉnh Bến Tre.

b) Khuyến khích cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức trong tỉnh tham gia, phấn đấu đạt kết quả cao tại các cuộc thi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp vùng, cấp quốc gia, cấp quốc tế về khởi nghiệp.

- Đối với các cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đã vượt qua vòng sơ khảo tại các cuộc thi khởi nghiệp, được hỗ trợ chi phí tham gia, cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ 1.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đối với cấp tỉnh (do tỉnh Bến Tre tổ chức).

+ Hỗ trợ 2.500.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đối với cấp vùng.

+ Hỗ trợ 5.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đối với cấp quốc gia.

+ Hỗ trợ 6.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đối với cấp quốc tế.

- Đối với cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp:

+ Cuộc thi khởi nghiệp cấp huyện: Hỗ trợ 3.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá

nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhất. Hỗ trợ 2.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhì. Hỗ trợ 1.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải ba.

+ Cuộc thi khởi nghiệp cấp tỉnh: Hỗ trợ 10.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhất. Hỗ trợ 7.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhì. Hỗ trợ 5.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải ba. Hỗ trợ 2.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải khuyến khích và các giải phụ.

+ Cuộc thi khởi nghiệp cấp vùng: Hỗ trợ 15.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhất. Hỗ trợ 10.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhì. Hỗ trợ 7.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải ba. Hỗ trợ 4.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải khuyến khích và các giải phụ.

+ Cuộc thi khởi nghiệp cấp quốc gia: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhất. Hỗ trợ 25.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhì. Hỗ trợ 20.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải ba. Hỗ trợ 10.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải khuyến khích và các giải phụ.

+ Cuộc thi khởi nghiệp cấp quốc tế: Hỗ trợ 50.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhất. Hỗ trợ 40.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải nhì. Hỗ trợ 30.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải ba. Hỗ trợ 20.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đạt giải khuyến khích và các giải phụ.

- Đối với cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức lọt vào vòng chung kết nhưng không đạt giải được hỗ trợ chi phí tham gia các cuộc thi khởi nghiệp:

+ Hỗ trợ 1.500.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đối với cấp tỉnh (do tỉnh Bến Tre tổ chức).

+ Hỗ trợ 3.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đối với cấp vùng.

+ Hỗ trợ 6.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đối với cấp quốc gia.

+ Hỗ trợ 8.000.000 đồng/cuộc thi/năm/cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức đối với cấp quốc tế.

- Mỗi cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức chỉ được hỗ trợ tối đa 01 lần đối với 01 dự án, ý tưởng trên từng cấp (huyện, tỉnh, vùng, quốc gia) trong cùng một năm; đối với từng cuộc thi chỉ hỗ trợ 01 mục (đối với ý tưởng dự án tham dự hoặc ý tưởng, dự án đạt giải hoặc ý tưởng, dự án khởi nghiệp lọt vào vòng chung kết nhưng không đạt giải).

c) Hỗ trợ 50% kinh phí cho các tổ chức thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án được cấp có thẩm quyền

phê duyệt. Quy mô thực hiện giai đoạn 2023-2025 không quá 02 cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

d) Hỗ trợ cố vấn khởi nghiệp trong hiện thực hóa sản phẩm, tư vấn thành lập và định hướng hoạt động ban đầu của doanh nghiệp cho cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức có ý tưởng, dự án khởi nghiệp đạt giải ba hoặc tương đương trở lên trong các cuộc thi khởi nghiệp cấp tỉnh; giải khuyến khích hoặc tương đương trở lên trong các cuộc thi khởi nghiệp cấp vùng, quốc gia hoặc quốc tế. Chi phí hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng/ý tưởng, dự án khởi nghiệp.

đ) Miễn phí tham gia chương trình ươm tạo, phát triển sản phẩm khởi nghiệp do tỉnh tổ chức đối với cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức có ý tưởng, dự án khởi nghiệp.

Chương III

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP THUỘC NHÓM NGUỒN DẪN ĐẦU VÀ DOANH NGHIỆP THUỘC NHÓM DẪN ĐẦU

Điều 7. Chính sách phát triển doanh nghiệp thuộc nhóm nguồn dẫn đầu

1. Điều kiện hỗ trợ: là doanh nghiệp thuộc nhóm nguồn dẫn đầu.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Công thương ưu tiên hỗ trợ giới thiệu, kết nối vùng nguyên liệu phù hợp khi được yêu cầu. Được Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ưu tiên giới thiệu vào các khu, cụm công nghiệp phù hợp với nhu cầu, đặc điểm sản xuất, kinh doanh.

b) Được ưu tiên giới thiệu tham gia các sự kiện xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại do các bộ, ngành trung ương, Chính phủ tổ chức.

Điều 8. Chính sách ưu đãi doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Là doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu trên địa bàn tỉnh Bến Tre đối với nội dung hỗ trợ tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này.

b) Doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu chủ trì xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm, liên kết ngành trên địa bàn tỉnh Bến Tre đối với nội dung hỗ trợ tại điểm k khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này.

c) Câu lạc bộ doanh nghiệp, hội ngành nghề được thành lập mới với sự tham gia ít nhất 05 doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu, cam kết hoạt động lâu dài và có thể hiện vai trò trong việc tổ chức, định hướng các hoạt động, đối với nội dung hỗ trợ tại điểm i khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này.

2. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

a) Ưu tiên giảm 25% thời gian thực hiện thủ tục hành chính công trong tỉnh

nhưng vẫn đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

b) Được ưu tiên giới thiệu tham gia các sự kiện xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại do tỉnh, các bộ, ngành trung ương, Chính phủ tổ chức.

c) Được hỗ trợ nghiên cứu phát triển sản xuất, kinh doanh.

Được Sở Khoa học và Công nghệ ưu tiên hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh có liên quan đến hoạt động cải thiện hệ thống sản xuất, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong kinh doanh. Đồng thời được giới thiệu kết nối hợp tác với các viện, trường, các đơn vị khoa học công nghệ trong và ngoài nước.

Được các sở, ngành phối hợp hỗ trợ nghiên cứu về mặt chuyên môn đối với từng ngành, lĩnh vực phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng sở, ngành.

d) Hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Ưu tiên kết nối viện trường thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Được Trung tâm Dịch vụ việc làm Bến Tre, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre ưu tiên hỗ trợ tuyển dụng lao động có trình độ, tay nghề.

đ) Ưu tiên xem xét quy hoạch cải tạo nâng cấp giao thông, điện, nước, vùng nguyên liệu tại địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Được ưu tiên giới thiệu, xem xét thực hiện các dự án đầu tư trong tỉnh nếu đủ năng lực. Hỗ trợ tư vấn, thực hiện hồ sơ xin cấp chủ trương đầu tư với chi phí hỗ trợ không quá 30.000.000 đồng/hợp đồng/doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 01 lần.

g) Hỗ trợ chi phí thuê xây dựng và quảng bá tài liệu số về doanh nghiệp, mức hỗ trợ tối đa 30.000.000 đồng/hợp đồng/doanh nghiệp; mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 01 lần.

h) Miễn phí tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu về cải tiến công nghệ, phát triển sản phẩm và thị trường, quản lý tài nguyên doanh nghiệp do tỉnh tổ chức.

i) Doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu chủ trì xây dựng chuỗi giá trị, liên kết ngành được tỉnh hỗ trợ:

- Được các sở, ban, ngành; ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tạo điều kiện cung cấp các thông tin cần thiết cho doanh nghiệp trong định hướng, xây dựng chuỗi giá trị (trừ các thông tin mật theo quy định).

- Được ưu tiên phối hợp thực hiện công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao của từng đơn vị.

- Được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư ưu tiên giới thiệu, kết nối tổ chức, chuyên gia giàu kinh nghiệm và bộ ngành có liên quan trong nghiên cứu xây dựng chuỗi giá trị, liên kết ngành.

k) Câu lạc bộ, hội ngành nghề được thành lập mới với sự tham gia, cam kết hoạt động lâu dài và có thể hiện vai trò trong việc tổ chức, định hướng trong các

hoạt động của ít nhất 05 doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu được hỗ trợ 01 lần với tổng kinh phí 30.000.000 đồng.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, DOANH NGHIỆP THUỘC NHÓM NGUỒN DẪN ĐẦU VÀ DOANH NGHIỆP THUỘC NHÓM DẪN ĐẦU

Điều 9. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được thành lập từ hộ kinh doanh, ý tưởng, dự án khởi nghiệp tại tỉnh Bến Tre tại Điều 5 Nghị quyết này

1. Đơn vị thực hiện

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại điểm a, b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua bưu điện đến đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hưởng chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này).

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản sao Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp

- Bản sao xác nhận tham gia các cuộc thi khởi nghiệp của đơn vị tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp đối với doanh nghiệp được thành lập từ dự án, ý tưởng khởi nghiệp.

- Bản sao hợp đồng, hoá đơn đã sử dụng dịch vụ tương ứng với nội dung đề nghị hỗ trợ tại Điều 5 Nghị quyết này.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị thực hiện tiến hành kiểm tra hồ sơ và thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định. Giải ngân 06 tháng 01 lần (đợt 01 từ ngày 15 đến ngày 30 tháng 6, đợt 02 từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 12).

Điều 10. Chính sách hỗ trợ phát triển ý tưởng, dự án khởi nghiệp tại Điều 6 Nghị quyết này

1. Đơn vị thực hiện

a) Sở Công thương: tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

b) Sở Khoa học và Công nghệ: tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại

điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại điểm b, d khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

d) Tổ thẩm định dự án: tiếp nhận, tổ chức thẩm định dự án tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với nội dung hỗ trợ tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này

- Cá nhân hoặc tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua bưu điện đến đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thành phần hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị hưởng chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này).

+ Bản sao giấy xác nhận tham dự, xác nhận đạt giải hoặc tương đương do đơn vị tổ chức cuộc thi cấp (nêu rõ tên dự án, thông tin chủ dự án, thành tích) đối với nội dung đề nghị hỗ trợ tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

+ Bản sao hợp đồng, hoá đơn sử dụng dịch vụ tương ứng với nội dung đề nghị hỗ trợ tại điểm a, d, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị thực hiện tiến hành kiểm tra hồ sơ và thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

b) Đối với nội dung hỗ trợ tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này

- Tổ chức thực hiện gửi đề nghị thẩm định đến Tổ thẩm định dự án thông qua Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Khởi nghiệp.

- Tổ thẩm định dự án tiến hành thẩm định và có văn bản phản hồi kết quả thẩm định chậm nhất trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thẩm định.

- Sau khi nhận được văn bản phản hồi từ Tổ thẩm định dự án, tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua bưu điện đến đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thành phần hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị hưởng chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

+ Văn bản phê duyệt đủ điều kiện hỗ trợ của Tổ thẩm định dự án.

+ Bản sao hợp đồng, hoá đơn sử dụng dịch vụ tương ứng.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị thực hiện tiến hành kiểm tra hồ sơ và thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 11. Chính sách ưu đãi doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu tại Điều 8 Nghị quyết này

1. Đơn vị thực hiện

Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại điểm e, g, k khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với nội dung hỗ trợ tại điểm e, g khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này.

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua bưu điện đến đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thành phần hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị hưởng chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

+ Bản sao hợp đồng, hoá đơn sử dụng dịch vụ tương ứng với nội dung đề nghị hỗ trợ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị thực hiện tiến hành kiểm tra hồ sơ và thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

b) Đối với nội dung tại điểm k khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này, câu lạc bộ, hội ngành nghề nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua bưu điện đến đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hưởng chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này).

- Bản sao quyết định thành lập câu lạc bộ doanh nghiệp, hội ngành nghề; bản sao danh sách thành viên và văn bản phân công nhiệm vụ cho các doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị thực hiện tiến hành kiểm tra hồ sơ và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Chương V

KINH PHÍ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có). Trong đó:

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh dành cho chi đầu tư được tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) đảm bảo chính sách quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

2. Vốn ngân sách tỉnh hàng năm dành cho chi thường xuyên và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) đảm bảo các chính sách quy định tại Nghị quyết này (trừ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết này).

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Hoạt động khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

2. Trường hợp cá nhân, tổ chức đã nộp hồ sơ hoặc đề nghị hỗ trợ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cơ quan, tổ chức hỗ trợ có thẩm quyền phê duyệt thì cá nhân, tổ chức nộp lại hoặc bổ sung Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này để được xem xét, phê duyệt theo quy định.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; căn cứ quy định pháp luật hiện hành và điều kiện thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chí để xác định doanh nghiệp là doanh nghiệp thuộc nhóm nguồn dẫn đầu hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu trên địa bàn tỉnh Bến Tre, đồng thời thành lập, ban hành quy chế và nguyên tắc hoạt động của Tổ thẩm định dự án. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Tư pháp, KBNN, Thanh tra;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH Bến Tre;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTTĐT tỉnh;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Triệu

Phụ lục I
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN
KHÍCH, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Hưởng chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển
doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Kính gửi:.....

I. Thông tin cá nhân, tổ chức đề nghị:

Tên cá nhân, tổ chức đề nghị:.....

Loại hình doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp):.....

Quy mô doanh nghiệp (siêu nhỏ, nhỏ vừa):.....

Địa chỉ (Hộ khẩu thường trú nếu là cá nhân; địa chỉ trụ sở chính nếu là doanh nghiệp):.....

.....

Điện thoại:.....

Email (nếu có):.....

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số:..... docấp ngàytháng.....năm

II. Đề nghị được hưởng chính sách:

Căn cứ Nghị quyết số...../2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

(Tên cá nhân, tổ chức).....đề nghị được hưởng chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:(Nêu rõ đề nghị theo điểm, khoản, Điều nào? Cụ thể kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung?)

1.



Phụ lục II

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

BẢN MÔ TẢ DỰ ÁN

Địa điểm:

Chủ dự án:

Bến Tre, tháng năm 20...

- 2.
- 3.

III. Cá nhân, tổ chức đề nghị cam kết

- *Cá nhân/tổ chức* cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của của những thông tin trên đây;
- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày ...tháng.....năm.....

Cá nhân/tổ chức

(ký tên; đóng dấu nếu là tổ chức)

Hồ sơ kèm theo:

-

-

I. MÔ TẢ DOANH NGHIỆP, DỰ ÁN

1. Chủ dự án:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Đại diện:

- Chức danh:

- Ngành nghề:

2. Đặc điểm dự án:

- Tên dự án:

- Địa điểm:

- Diện tích đất sử dụng (nếu có):

- Hình thức đầu tư:

II. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

1. Hiện trạng trước khi thực hiện dự án

2. Mục tiêu của dự án:

3. Sự cần thiết phải đầu tư:

4. Tính pháp lý: *(được chủ trương khuyến khích tại văn bản nào của trung ương và địa phương, phù hợp với chính sách của nhà nước)*

III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Thông tin về phương pháp, cách thức thực hiện

2. Quy trình, nội dung thực hiện, thời gian thực hiện

3. Nguồn lực thực hiện (con người, cơ sở vật chất, kinh phí ...)

IV. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Cụ thể kết quả đạt được của dự án, có dẫn chứng đầy đủ tài liệu, chứng nhận đã đạt được.

V. NỘI DUNG HỖ TRỢ

- Thể hiện nội dung cần được hỗ trợ tại điểm, khoản, Điều nào tại nghị quyết.

- Nội dung hỗ trợ khác nếu có *(đối với nội dung này tổ thẩm định dự án sẽ đề xuất Hội đồng Tư vấn khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp xem xét hỗ trợ trong khả năng, quyền hạn)*.

